

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2021

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tùng.

2. Bà Bùi Thị Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 32A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021; Thông báo số 03/TB-TA ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án; Thông báo số 03A/TB-TA ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa và Thông báo số 06/TB-TA ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021; bản khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Nguyễn Văn L kết hôn năm 2019, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 10/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại ấp Phước Trung, xã PL, huyện D. Vợ, chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tình cảm và về kinh tế, tiền bạc trong sinh hoạt gia đình nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến sống chung không hạnh phúc. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay, bà Tr nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tr được ly hôn ông L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Tr và ông L có 01 con chung tên là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2020, hiện đang sống với bà Tr. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn L vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông L đến Tòa án để làm việc, nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án là chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tr được ly hôn ông L; về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Quỳnh A cho bà Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại xã PL, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thu Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Văn L và yêu cầu được quyền nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 29/4/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm ngày 05/7/2021 và ngày 23/11/2021, nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Tr và ông L theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Nguyễn Văn L là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tình cảm, thường xuyên bất đồng về kinh tế trong gia đình nên sống chung không hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không còn phụ thuộc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, bà Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể đoàn tụ sống chung với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà Tr và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Tr được ly hôn ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Nguyễn Văn L có 01 con chung tên là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2020. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu của bà Tr thấy rằng, từ khi bà Tr và ông L ly thân thì bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, vì vậy giao cháu Quỳnh A cho bà Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr không yêu cầu nên ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung*: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn là bà Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2020 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004669 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Thu Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã T, huyện LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy

